

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



DƯƠNG THỊ THANH THỦY

**PHÁP LUẬT VỀ MIỄN TRÁCH NHIỆM
BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI DO VI PHẠM HỢP ĐỒNG
MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 8380107

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2018

Công trình được hoàn thành tại:

Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Ngô Thị Hương

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn thạc sĩ họp
tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng năm.....

MỤC LỤC

| | |
|--|----------|
| MỞ ĐẦU | 1 |
| 1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài | 1 |
| 2. Tình hình nghiên cứu đề tài | 1 |
| 3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu đề tài | 2 |
| 3.1. Đối tượng nghiên cứu | 2 |
| 3.2. Phạm vi nghiên cứu | 3 |
| 4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu | 3 |
| 4.1. Mục đích nghiên cứu | 3 |
| 4.2. Nhiệm vụ nghiên cứu | 3 |
| 5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu khoa học | 3 |
| 5.1. Phương pháp luận | 3 |
| 5.2. Phương pháp nghiên cứu | 3 |
| 6. Những điểm mới của đề tài | 4 |
| 7. Kết cấu của đề tài..... | 4 |
| Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ MIỄN TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI DO VI PHẠM HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ..... | 5 |
| 1.1. Khái niệm và đặc điểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế | 5 |
| 1.1.1. Khái niệm hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế | 5 |
| 1.1.2. Đặc điểm của hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế..... | 5 |
| 1.1.3. Khái niệm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng..... | 6 |
| 1.1.4. Đặc điểm của trách nhiệm bồi thường thiệt hại | 7 |
| 1.2. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng | 8 |
| 1.2.1. Khái niệm..... | 8 |
| 1.2.2. Đặc điểm | 8 |
| 1.2.3. Vai trò của miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại | 10 |
| 1.3. Khung pháp luật về miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế | 10 |
| 1.3.1. Vi phạm hợp đồng do sự kiện bất khả kháng..... | 10 |
| 1.3.2. Vi phạm hợp đồng do lỗi của bên có quyền..... | 10 |
| 1.3.3. Miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại do quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền..... | 11 |
| 1.3.4. Miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự thỏa thuận của các bên..... | 11 |
| 1.3.5. Miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo Công ước Viên 1980 | 11 |

| | |
|---|-------------------------------------|
| 1.4. Các yếu tố tác động đến thực hiện các quy định miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế | Error! Bookmark not defined. |
| 1.4.1. Yếu tố chính trị..... | Error! Bookmark not defined. |
| 1.4.2. Yếu tố kinh tế | Error! Bookmark not defined. |
| 1.4.3. Yếu tố văn hóa, xã hội..... | Error! Bookmark not defined. |
| 1.4.4. Yếu tố về nguồn lực | Error! Bookmark not defined. |
| Kết luận Chương 1 | 12 |
| Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ MIỄN TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI DO VI PHẠM HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ..... | 13 |
| 2.1. Thực trạng pháp luật về miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế..... | 13 |
| 2.1.1. Miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại khi có sự kiện bất khả kháng | 13 |
| 2.1.2. Miễn trách nhiệm do phải thực hiện quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền | 14 |
| 2.1.3. Miễn trách nhiệm khi một bên không thực hiện nghĩa vụ của mình do lỗi của bên kia | 15 |
| 2.1.4. Thoả thuận giữa các bên về miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại .. | 16 |
| 2.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế | 16 |
| 2.2.1. Hạn chế về việc xác định sự kiện bất khả kháng | 16 |
| 2.2.2. Hạn chế trong trường hợp miễn trách nhiệm do lỗi của bên kia .. | 17 |
| 2.2.3. Hạn chế trong trường hợp miễn trách nhiệm do phải thực hiện quyết định từ phía cơ quan nhà nước có thẩm quyền | 17 |
| Kết luận Chương 2 | 17 |
| Chương 3. ĐỊNH HƯỚNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT, NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ MIỄN TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI DO VI PHẠM HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ..... | 18 |
| 3.1. Định hướng chung hoàn thiện chế định bồi thường thiệt hại | 18 |
| 3.2. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng | 18 |
| 3.2.1. Thống nhất các văn bản pháp luật Việt Nam về hợp đồng..... | 18 |
| 3.2.2. Thống nhất các văn bản pháp luật Việt Nam về miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng..... | 19 |

| | |
|--|-----------|
| 3.2.3. Hoàn thiện các quy định cụ thể của pháp luật về miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.. | 19 |
| 3.3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế..... | 20 |
| 3.3.1. Tổ chức thực thi nghiêm các quy định của pháp luật về miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế..... | 20 |
| 3.3.2.Nâng cao ý thức pháp luật nghề nghiệp của những người có thẩm quyền áp dụng pháp luật..... | 20 |
| 3.3.3.Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, kết hợp với đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ viên chức | 20 |
| 3.3.4.Tiếp tục tăng cường kiểm tra sâu rộng và đẩy mạnh theo dõi thi hành pháp luật về giao dịch giữa các chủ thể mua bán hàng hóa quốc tế | 21 |
| 3.3.5.Nâng cao hiệu quả phối hợp công tác giữa các bộ, ngành hữu quan và mở rộng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực mua bán hàng hóa có hợp đồng..... | 21 |
| 3.3.6.Tiếp tục hoàn thiện, kiện toàn hệ thống các cơ quan, viên chức có thẩm quyền áp dụng pháp luật..... | 21 |
| 3.3.7.Thông báo công khai kết quả áp dụng pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng | 22 |
| Kết luận Chương 3..... | 22 |
| KẾT LUẬN..... | 23 |

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Ở nước ta, do nhiều yếu tố chi phối, cho đến những năm gần đây chế định hợp đồng nói chung và những quy định về miễn trách nhiệm hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế nói riêng còn tản mạn và thiếu tính hệ thống. Nội dung miễn trách nhiệm hợp đồng được quy định trong BLDS còn thiếu tính linh hoạt, chưa điều chỉnh được hết các tranh chấp phát sinh trong mối quan hệ hợp đồng. BLDS năm 2015 và Luật Thương mại năm 2005 đã có những sửa đổi, bổ sung cơ bản và toàn diện hơn chế định hợp đồng trong đó có miễn trách nhiệm BTTH do vi phạm hợp đồng. Việc miễn trách nhiệm BTTH do vi phạm hợp đồng được xác định dựa trên cơ sở các căn cứ miễn nghĩa vụ dân sự hình thành theo thoả thuận giữa các bên trong hợp đồng hoặc theo pháp luật quy định, lúc này bên có nghĩa vụ đã cam kết trong hợp đồng mà không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ đó cũng không phải bồi thường cho bên kia. Chừng nào các quy định của pháp luật nói chung và các quy định pháp luật về miễn trách nhiệm BTTH nói riêng chưa trở thành công cụ cơ bản để điều chỉnh các quan hệ xã hội thì chừng đó Việt Nam vẫn nằm ngoài sự phát triển chung của thế giới. Chính vì vậy, tác giả đã lựa chọn đề tài **“Pháp luật về miễn trách nhiệm BTTH do vi phạm hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế”** làm đề tài nghiên cứu luận văn của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Tính đến thời điểm hiện nay, về vấn đề về miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo hợp đồng chưa được nghiên cứu có hệ thống. Có một số luận văn, luận án nghiên cứu những vấn đề tổng thể về trách nhiệm dân sự do vi phạm hợp đồng, còn vấn đề miễn trách nhiệm dân sự trong hợp đồng được đề cập đến như những nội dung cần phải có. Những công trình phải kể đến như:

Sách tham khảo:

- Đỗ Văn Đại, “Các biện pháp xử lý việc không thực hiện đúng hợp đồng trong pháp luật Việt Nam”, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, năm 2013.

- Đỗ Văn Đại, “Luật hợp đồng Việt Nam - Bản án và bình luận bản án (tập 2)”. Cuốn sách “Luật hợp đồng Việt Nam - Bản án và bình luận bản án (Tập 2)” là sách chuyên khảo của tác giả Đỗ Văn Đại được Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia xuất bản vào năm 2014.

Bài báo:

- Tareq Al-Tawil, “Damages for breach of contract: Compensation, cost of cure and vindication”. Công trình “Damages for breach of contract: Compensation, cost of cure and vindication” của Tareq Al-Tawil được đăng trên số 34 của Adelaide law review năm 2013.

- Dư Ngọc Bích, “Góp ý điều khoản phạt hợp đồng và mối liên hệ với bồi thường thiệt hại trong dự thảo Bộ luật Dân sự (sửa đổi)” đăng trên Tạp chí Dân chủ và Pháp luật điện tử ngày 07 tháng 10 năm 2015 của tác giả Dư Ngọc Bích.

Các công trình nghiên cứu đã giải quyết được các vấn đề về các quy định của pháp luật hợp đồng, đưa ra được các biện pháp xử lý khi chủ thể tham gia quan hệ pháp luật hợp đồng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng hợp đồng trong pháp luật Việt Nam.

Ngoài ra, còn một số tác giả đề cập đến vấn đề này song những công trình nghiên cứu về vấn đề pháp lý căn bản nhất của vấn đề này cũng như những tồn tại, hạn chế trong việc áp dụng những quy định của Pháp luật Việt Nam về việc xác định những trường hợp được miễn trách nhiệm BTTH theo hợp đồng vẫn chỉ dừng lại ở dưới dạng thức bài tiểu luận, bài báo khoa học.

Trong khi đó, đề tài này sẽ đi sâu khai thác những vấn đề pháp lý cơ bản trong việc áp dụng các quy định của pháp luật về miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo hợp đồng cũng như chỉ ra những mặt được, mặt hạn chế và đưa ra hướng hoàn thiện chế định này trong pháp luật Việt Nam. Do đó, đề tài “*Pháp luật về miễn trách nhiệm BTTH do vi phạm hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế*” có tính mới, không bị trùng lặp so với những công trình nghiên cứu khác.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu đề tài

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đề tài “*Pháp luật về miễn trách nhiệm BTTH do vi phạm hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế*” nghiên cứu bao gồm: Cơ sở lý luận là các quy định của BLDS năm 2015, Bộ luật Dân sự năm 2005 (BLDS năm 2005) và các văn bản pháp luật liên quan đến miễn trách nhiệm BTTH do vi phạm hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế như Luật Thương mại năm 2005 (LTM năm 2005), Công ước Viên 1980 về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế (sau đây gọi tắt là CISG). Nghiên cứu thực trạng pháp luật, thực tiễn áp dụng pháp luật và hạn chế về miễn trách nhiệm BTTH do vi phạm hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Không gian: Tập trung làm rõ các quy định của BLDS năm 2015, LTM năm 2005 và một số văn bản pháp luật có liên quan về miễn trách nhiệm BTTH do vi phạm hợp đồng, có so sánh với Công ước Viên 1980 và các án lệ. Đề tài nghiên cứu giữa các chủ thể trong nước và nước ngoài.

- Thời gian: Nghiên cứu thực tiễn từ 2013 đến nay.

- Địa bàn: Nghiên cứu trong phạm vi cả nước.

4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

4.1. Mục đích nghiên cứu

- Mục đích nghiên cứu đề tài là đưa ra các giải pháp trên cơ sở nghiên cứu lý luận về pháp luật miễn trách nhiệm BTTH do vi phạm hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế. Hiểu đúng bản chất, ý nghĩa các quy định của pháp luật về miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế nhằm áp dụng các quy định đó phù hợp từng vụ việc xảy ra và giải quyết một cách nhanh chóng, kịp thời.

4.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Nhiệm vụ của đề tài là nghiên cứu một cách chuyên sâu về vấn đề miễn trách nhiệm BTTH do vi phạm hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế theo pháp luật Việt Nam, đánh giá những quy định trong BLDS năm 2015, Luật Thương mại năm 2005 về căn cứ miễn trách nhiệm BTTH trong hợp đồng của Việt Nam trong thời gian qua để chỉ ra những hạn chế, bất cập trong cơ chế xây dựng pháp luật, từ đó đề ra phương hướng hoàn thiện nhằm tạo cơ sở pháp lý thuận lợi hơn cho các tổ chức, cá nhân tham gia quan hệ hợp đồng, góp phần tạo dựng môi trường xã hội, môi trường đầu tư, kinh doanh văn minh, lành mạnh.

- Nhiệm vụ là phân tích, so sánh các quy định của pháp luật Việt Nam về miễn trách nhiệm BTTH do vi phạm hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu khoa học

5.1. Phương pháp luận

Luận văn được trình bày dựa trên cơ sở vận dụng lý luận của chủ nghĩa Mác– Lênin về nhà nước và pháp luật. Đồng thời, vận dụng những quan điểm của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế thị trường trong thời kỳ đổi mới.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn kết hợp sử dụng các phương pháp nghiên cứu khác nhau như:

Phương pháp tổng hợp và hệ thống hóa lý thuyết được sử dụng phần lớn trong nội dung Chương 1 nhằm khái quát chung và phát triển những vấn đề lý luận về pháp luật miễn trách nhiệm BTTH do vi phạm hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.

Phương pháp phân tích văn bản và phân tích quy phạm được sử dụng xuyên suốt trong Chương 1 của Luận văn nhằm phân tích các quy định của Luật Thương mại năm 2005, BLDS năm 2015 và các văn bản liên quan cũng như các quy định của Pháp luật quốc tế về vấn đề trên.

Phương pháp thống kê được sử dụng chủ yếu ở Chương 2 nhằm thống kê các vụ việc điển hình.

6. Những điểm mới của đề tài

Đề tài tập trung nghiên cứu sâu, đánh giá mặt tích cực và hạn chế về vấn đề miễn trách nhiệm BTTH do vi phạm hợp đồng theo quy định của pháp luật Việt Nam như:

Về lý luận:

- + Miễn trách nhiệm do sự kiện bất khả kháng.
- + Miễn trách nhiệm do phải thực hiện các quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- + Các quy định về miễn trách nhiệm do một bên không thực hiện nghĩa vụ do người thứ ba.
- + Miễn trách nhiệm theo thỏa thuận của các bên.

Về thực tiễn:

- + Đưa ra giải pháp hoàn thiện những quy định về miễn trách nhiệm do vi phạm hợp đồng.

7. Kết cấu của đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung

của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế

Chương 2: Thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế

Chương 3: Định hướng và các giải pháp hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ MIỄN TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI DO VI PHẠM HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ

1.1. Khái niệm và đặc điểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế

1.1.1. Khái niệm hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế

Qua những phân tích về khái niệm hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế của các quan điểm khác nhau thì tác giả thiết nghĩ định nghĩa cô đọng nhất về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế là: “hợp đồng được kí kết giữa các bên có trụ sở thương mại nằm trên lãnh thổ của các quốc gia khác nhau¹.”

1.1.2. Đặc điểm của hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế

Thứ nhất, về chủ thể của hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.

Chủ thể của hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế chủ yếu là các thương nhân. Thương nhân theo nghĩa thông thường được hiểu là những người trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh thương mại. Trong luật thương mại, thương nhân bao gồm các cá nhân, pháp nhân có đủ các điều kiện do pháp luật quốc gia quy định để tham gia vào các hoạt động thương mại và trong một số trường hợp cả chính phủ (khi từ bỏ quyền miễn trừ quốc gia). Mỗi quốc gia có những quy định khác nhau về điều kiện trở thành thương nhân cho từng đối tượng cụ thể. Chẳng hạn, đối với cá nhân những điều kiện hưởng tư cách thương nhân trong pháp luật thương mại quốc gia thường bao gồm điều kiện nhân thân (độ tuổi, năng lực hành vi, điều kiện tư pháp) và nghề nghiệp².

Thứ hai, về đối tượng của hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.

Hàng hóa là đối tượng của hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế phải thỏa mãn các quy định về quy chế hàng hóa được phép mua bán, trao đổi theo pháp luật của nước bên mua và bên bán. Pháp luật của các quốc gia khác nhau có những quy định không giống nhau về những hàng hóa được phép trao đổi mua bán, từ đó sẽ dẫn đến việc có những hàng hóa theo quy định của nước này thì được phép trao đổi mua bán nhưng theo quy định của pháp luật nước khác thì lại cấm trao đổi mua bán. Như vậy, chỉ những hàng hóa nào đều được pháp luật quốc gia của các bên kí kết hợp đồng quy định là được phép trao đổi mua bán thì mới có thể trở

¹ Đại học quốc gia thành phố TP. HCM, Giáo trình luật hợp đồng thương mại quốc tế, tr 172.

² PGS.TS Mai Hồng Quý- ThS. Trần Việt Dũng, Luật Thương Mại Quốc Tế, NXB Đại học quốc gia TP.HCM, 2005, tr 19.

thành đối tượng của hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế. Theo pháp luật thương mại của đa số các nước và trong nhiều điều ước quốc tế, chẳng hạn như Công ước Viên 1980 về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, hàng hóa là đối tượng của mua bán thương mại được hiểu bao gồm những loại tài sản có hai thuộc tính cơ bản: (i) có thể đưa vào lưu thông, và (ii) có tính chất thương mại. Như vậy, với khái niệm này thì hàng hóa là đối tượng của mua bán có thể là hàng hóa hiện đang tồn tại hoặc hàng hóa sẽ có trong tương lai, hàng hóa có thể là động sản hoặc bất động sản được phép lưu thông thương mại.

Thứ ba, về hình thức của hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.

Hình thức hợp đồng được hiểu không chỉ là phương thức ghi nhận sự biểu lộ ý chí dưới dạng lời nói, văn bản, hành vi, cử chỉ cụ thể mà còn là những thủ tục mà pháp luật quy định bắt buộc các bên giao kết hợp đồng phải tuân thủ trong một số trường hợp nhất định³.

Hình thức của hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế cũng được quy định rất khác nhau trong pháp luật của các quốc gia và pháp luật quốc tế. Có pháp luật của một số nước yêu cầu bắt buộc hình thức của hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế phải được lập thành văn bản, nhưng pháp luật của một số nước khác lại không có bất kỳ một yêu cầu nào về hình thức hợp đồng. Mặt khác, ngay cả khái niệm “văn bản” giữa các quốc gia cũng có các quan niệm rộng hẹp khác nhau về những dạng vật chất nhất định chứa đựng thông tin nào được coi là văn bản.

Thứ tư, luật điều chỉnh hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.

Việc trụ sở thương mại của các bên trong hợp đồng thương mại quốc tế nằm trên lãnh thổ của các quốc gia khác nhau không chỉ có nghĩa các bên nằm trên lãnh thổ của các nước khác nhau mà còn có nghĩa là các bên liên quan đến các hệ thống pháp luật khác nhau⁴. Như vậy, hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế có thể được điều chỉnh bởi pháp luật của các quốc gia khác nhau. Bên cạnh đó, hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế có thể được điều chỉnh bởi điều ước quốc tế, các tập quán thương mại quốc tế, hoặc/và các đạo luật mẫu về hợp đồng thương mại quốc tế.

1.1.3. Khái niệm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng

Trên cơ sở những phân tích trong luận văn, tác giả đưa ra khái niệm BTTH do vi phạm hợp đồng như sau: *Bồi thường thiệt hại do vi phạm*

³ TS. Nguyễn Ngọc Khánh, Chế định hợp đồng trong BLDS Việt Nam, NXB Tư pháp, Hà Nội, 2007, tr 174-176.

⁴ PGS.TS Nguyễn Văn Luyện – TS Lê Thị Bích Thọ - TS Dương Anh Sơn, Hợp đồng thương mại quốc tế, NXB CAND, 2004, tr 30.

hợp đồng là biện pháp khắc phục hậu quả của hành vi vi phạm hợp đồng, nhằm bảo đảm cho trách nhiệm dân sự theo hợp đồng được thực hiện bằng cách bù đắp những tổn thất là hậu quả của hành vi vi phạm hợp đồng do bên vi phạm hợp đồng gây ra cho bên bị vi phạm.

1.1.4. Đặc điểm của trách nhiệm bồi thường thiệt hại

Là một loại trách nhiệm pháp lý nên ngoài những đặc điểm của trách nhiệm pháp lý nói chung.

Về cơ sở pháp lý: Trách nhiệm BTTH là một loại trách nhiệm dân sự và chịu sự điều chỉnh của pháp luật dân sự. Khi một người gây ra tổn thất cho người khác thì họ phải BTTH và BTTH chính là một quan hệ tài sản do luật dân sự điều chỉnh và được quy định trong BLDS năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành BLDS.

Về điều kiện phát sinh: Trách nhiệm BTTH chỉ đặt ra khi thoả mãn các điều kiện nhất định đó là: Có thiệt hại xảy ra, có hành vi vi phạm nghĩa vụ dân sự (nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc ngoài hợp đồng), có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi gây thiệt hại với thiệt hại xảy ra, có lỗi của người gây thiệt hại (không phải là điều kiện bắt buộc).

Về hậu quả: Trách nhiệm BTTH luôn mang đến một hậu quả bất lợi về tài sản cho người gây thiệt hại. Bởi lẽ, khi một người gây ra tổn thất cho người khác thì tổn thất đó phải tính toán được bằng tiền hoặc phải được pháp luật quy định là một đại lượng vật chất nhất định nếu không sẽ không thể thực hiện được việc bồi thường. Do đó, những thiệt hại về tinh thần mặc dù không thể tính toán được nhưng cũng sẽ được xác định theo quy định của pháp luật để bù đắp lại tổn thất cho người bị thiệt hại. Và cũng chính vì vậy, thực hiện trách nhiệm bồi thường sẽ giúp khôi phục lại thiệt hại cho người bị thiệt hại.

Về chủ thể bị áp dụng trách nhiệm: Ngoài người trực tiếp có hành vi gây thiệt hại thì trách nhiệm BTTH còn được áp dụng cả đối với những chủ thể khác đó là cha, mẹ của người chưa thành niên, người giám hộ của người được giám hộ, pháp nhân đối với người của pháp nhân gây ra thiệt hại, trường học, bệnh viện trong trường hợp người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự gây thiệt hại hoặc tổ chức khác như cơ sở dạy nghề...

Từ những đặc điểm chung của trách nhiệm BTTH ta có thể biết được đặc điểm của trách nhiệm BTTH do vi phạm hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế như sau:

Về cơ sở pháp lý: Chịu sự điều chỉnh của pháp luật dân sự trong nước hoặc nước ngoài. Được quy định trong các văn bản luật trong nước như BLDS 2015, LTM 2005 và các văn bản pháp luật có liên quan đến

việc BTTH do vi phạm hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế. Được quy định trong các văn bản luật của quốc gia khác hoặc Công ước Viên 1980 về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế...

Về điều kiện phát sinh: Có thiệt hại xảy ra; có hành vi vi phạm các nghĩa vụ, quy định trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi gây thiệt hại với thiệt hại xảy ra, có lỗi của người gây thiệt hại (chủ thể trong nước hoặc nước ngoài hoặc có trụ sở ở nước ngoài...).

Về hậu quả: Mang đến điều bất lợi về tài sản cho người gây ra thiệt hại. BTTH theo thỏa thuận trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế hoặc theo quy định của pháp luật trong và ngoài nước.

Về chủ thể: Người trực tiếp gây ra thiệt hại (chủ thể trong nước, chủ thể ngoài nước hoặc có trụ sở ở nước ngoài...).

1.2. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng

1.2.1. Khái niệm

Khi xuất hiện trách nhiệm BTTH do hành vi vi phạm hợp đồng gây ra thì trong một số trường hợp nhất định sẽ dẫn đến việc miễn trừ trách nhiệm BTTH trong hợp đồng.

Như vậy, có thể hiểu: Miễn trừ trách nhiệm BTTH trong hợp đồng là việc người có quyền trong hợp đồng dân sự cho phép bên chủ thể vi phạm nghĩa vụ gây thiệt hại không bị áp dụng biện pháp khôi phục một phần hoặc toàn bộ tình trạng ban đầu về tài sản cho bên có quyền.

Một số quan điểm khác thì nêu ra cụ thể khái niệm miễn trách nhiệm trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế: là trường hợp bên vi phạm hợp đồng được giải thoát khỏi các hình thức chế tài thông thường được áp dụng khi có vi phạm hợp đồng⁵

1.2.2. Đặc điểm

- Bản chất của miễn trừ trách nhiệm BTTH trong hợp đồng là việc bên chủ thể vi phạm nghĩa vụ đáng lẽ phải gánh chịu toàn bộ và đầy đủ trách nhiệm BTTH cho bên bị vi phạm, tuy nhiên, do thiệt hại xảy ra trong những điều kiện, hoàn cảnh nhất định mà bên vi phạm nghĩa vụ được miễn trừ toàn bộ hoặc một phần trách nhiệm BTTH đó. Đây là một trong những vấn đề có ý nghĩa quan trọng của pháp luật dân sự, không chỉ bảo đảm quyền lợi của các bên giao kết hợp đồng, bảo đảm sự tự nguyện thỏa thuận của các bên mà còn là yếu tố hạn chế việc một bên

⁵Nguồn download: <https://text.123doc.org/document/1096445-mien-trach-nhiem-trong-vi-pham-hop-dong-mua-ban-hang-hoa-quoc-te-theo-qui-dinh-cua-cisg-va-phap-luat-viet-nam.htm>

lợi dụng quy định về miễn trừ trách nhiệm BTTH để trốn tránh trách nhiệm dân sự.

- Pháp luật về miễn trừ trách nhiệm BTTH của hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế khác với miễn trừ trách nhiệm BTTH của hợp đồng mua bán hàng hóa trong nước.

+ Ngay trong hai thuật ngữ mua bán hàng hóa quốc tế và mua bán hàng hóa trong nước đã nói lên sự khác biệt cơ bản giữa hai loại mua bán này. Theo đó, pháp luật về miễn trừ trách nhiệm trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế có tính chất quốc tế, còn hợp đồng mua bán hàng hóa trong nước có tính quốc gia. Tuy nhiên, tùy theo quan điểm của từng nước và các điều ước quốc tế khác nhau mà có sự điều chỉnh nhất định về tính chất quốc tế và tính chất quốc gia trong quan hệ mua bán.

+ Sự khác biệt về chủ thể của quan hệ mua bán. Khi áp dụng quy định miễn trừ trách nhiệm BTTH trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế thì chủ thể của quan hệ mua bán là các bên bán (bên xuất khẩu) và bên mua (bên nhập khẩu), có trụ sở thương mại đặt ở các nước khác nhau. Sự xô dịch về tiêu chuẩn chủ thể này tùy theo đặc điểm kinh tế, chính trị và xã hội của từng quốc gia nhất định. Đối với quan hệ mua bán hàng hóa trong nước, yêu cầu về chủ thể được nới lỏng hơn. Đó là: Thương nhân hoạt động thương mại theo quy định tại Điều 1 của Luật Thương mại 2005 và tổ chức, cá nhân khác hoạt động có liên quan đến thương mại.

+ Sự khác biệt về hình thức mua bán. Xét các quy phạm thực chất, các nước đều có những quy định đòi hỏi việc mua bán hàng hóa quốc tế chỉ hợp pháp khi thỏa mãn các điều kiện nhất định, đó có thể là hợp đồng được ký kết dưới hình thức văn bản (hoặc các hình thức khác có giá trị pháp lý tương đương), lời nói, hành vi nhất định. Pháp luật Việt Nam quy định hình thức của việc mua bán hàng hóa quốc tế phải được lập thành văn bản hoặc bằng hình thức khác có giá trị pháp lý tương đương. Đối với mua bán hàng hóa trong nước, các quy định về hình thức được nới lỏng hơn, với việc cho phép được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc được xác lập bằng hành vi cụ thể (trừ một số loại mua bán nhất định).

Trong quan hệ mua bán quốc tế, luật điều chỉnh rất đa dạng nó có thể là luật của quốc gia các bên tham gia, luật của một nước thứ ba, điều ước quốc tế về thương mại hoặc tập quán thương mại quốc tế và thậm chí cả các án lệ (nếu có thể). Còn đối với mua bán hàng hóa trong nước thì luật điều chỉnh quan hệ mua bán chỉ có thể là các quy phạm cụ thể

được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành điều chỉnh quan hệ mua bán hàng hóa trong nước

1.2.3. Vai trò của miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại

Miễn trách nhiệm BTTH trong hợp đồng là một chế định có vai trò hết sức quan trọng trong các quy định pháp luật hợp đồng.

Thứ nhất, miễn trách nhiệm BTTH trong hợp đồng bảo vệ quyền của bên không có lỗi trong việc không thực hiện nghĩa vụ hợp đồng.

Thứ hai, miễn trách nhiệm BTTH có tính chất quan trọng trong việc đề cao tính tự nguyện, tự thỏa thuận của các bên trong quan hệ hợp đồng.

Thứ ba, miễn trách nhiệm BTTH có tính chất ngăn ngừa những vi phạm do hành vi của bên có quyền gây ra. Trong nhiều trường hợp, bên có quyền có hành vi cố tình cản trở, xâm phạm lợi ích của bên có nghĩa vụ và không tận tâm thiện chí thực hiện đúng hợp đồng.

Thứ tư, các quy định về miễn trách nhiệm BTTH do vi phạm hợp đồng góp phần giúp Nhà nước quản lý trật tự trong các giao kết dân sự và thương mại được vững chắc hơn, góp phần ổn định các quan hệ này.

1.3. Khung pháp luật về miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế

1.3.1. Vi phạm hợp đồng do sự kiện bất khả kháng

Chủ thể có nghĩa vụ trong hợp đồng sẽ được miễn trách nhiệm BTTH trên cơ sở sự kiện bất khả kháng. Theo quy định khoản 1 điều 156 BLDS năm 2015: “*Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép*”.

Tại điểm b, khoản 1 Điều 294 Luật Thương mại năm 2005 quy định như sau: “*Bên vi phạm hợp đồng được miễn trách nhiệm trong trường hợp “xảy ra sự kiện bất khả kháng*”. Sự kiện bất khả xảy ra một cách khách quan, nằm ngoài ý chí của các chủ thể tham gia giao kết hợp đồng.

1.3.2. Vi phạm hợp đồng do lỗi của bên có quyền

Chủ thể có nghĩa vụ trong hợp đồng sẽ được miễn trách nhiệm BTTH trên cơ sở do lỗi của bên có quyền trong hợp đồng hoặc miễn trách nhiệm BTTH khi xuất hiện lỗi từ cả hai bên trong hợp đồng.

Tại điểm c khoản 1 Điều 294 Luật Thương mại năm 2005 quy định bên vi phạm được miễn trách nhiệm BTTH khi: “*Hành vi vi phạm của một bên hoàn toàn do lỗi của bên kia*”. Khi một bên có nghĩa vụ trong hợp đồng vi phạm hợp đồng nhưng lại do lỗi của bên kia thì khi đó bên

có nghĩa vụ sẽ được miễn trách nhiệm BTTH. Trách nhiệm hợp đồng được truy cứu trên nguyên tắc lỗi.

1.3.3. Miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại do quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền

Chủ thể có nghĩa vụ trong hợp đồng sẽ được miễn trách nhiệm BTTH trên cơ sở do quyết định từ phía cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Tại điểm d khoản 1 Điều 294 Luật Thương mại năm 2005 đã quy định cụ thể về trường hợp miễn trách nhiệm do thực hiện quyết định từ phía cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Khi có quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khiến cho một bên không thể thực hiện được hợp đồng mà trước khi giao kết các bên không hề biết trước được sự kiện này thì có thể được miễn trách nhiệm hợp đồng.

1.3.4. Miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự thỏa thuận của các bên

Trong hợp đồng, yếu tố cơ bản nhất là sự thỏa thuận ý chí của các bên tham gia. Luật Thương mại năm 2005 có quy định thỏa thuận của các bên trong hợp đồng cũng là căn cứ để miễn trách nhiệm BTTH, quy định cụ thể ở điểm a khoản 1 Điều 294.

1.3.5. Miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo Công ước Viên 1980

CISG quy định về bất khả kháng tại Điều 79 dưới tiêu đề Exemption (Miễn trách) theo đó “*một bên không chịu trách nhiệm về việc không thực hiện bất kỳ một nghĩa vụ nào đó của họ nếu chứng minh được rằng việc không thực hiện đó là do một trở ngại nằm ngoài sự kiểm soát của họ và người ta không thể chờ đợi một cách hợp lý rằng họ phải tính tới trở ngại đó vào lúc kí kết hợp đồng hoặc là tránh được hay khắc phục được hậu quả của nó*”. Ví dụ: Công ty Tsakiroglou và Noblee Thorl GmbH đã thỏa thuận mua bán đậu phộng Sudan giá CIF, tuy nhiên, kênh đào Suez bất ngờ đóng cửa làm cho lộ trình của tàu phải vòng qua Mũi Hảo Vọng. Như vậy, với một lộ trình mới này, Người Mua phải chịu thêm một khoản phí lớn nữa so với dự tính ban đầu, tuy nhiên đây không phải là trường hợp bất khả kháng vì trở ngại này không làm cho việc thực hiện của người mua là không thể thực hiện được. Và quan trọng là một bên không được viện dẫn việc không thực hiện nghĩa vụ của bên kia trong chừng mực mà việc không thực hiện nghĩa vụ đó là do những hành vi hay sơ suất của chính họ (Điều 80). CISG quy định miễn trách cho cả người bán và người mua, đề cập đến tất cả các trường

hợp bất khả kháng có thể xảy ra trong việc thực hiện bất cứ nghĩa vụ được quy định trong hợp đồng.

Kết luận Chương 1

Việc nghiên cứu về pháp luật miễn trách nhiệm BTTH trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế có ý nghĩa hết sức quan trọng trong các quan hệ hợp đồng dân sự quốc tế. Pháp luật Việt Nam dần dần đã hoàn thiện hơn các quy định pháp luật để phù hợp với sự hội nhập trong các quan hệ mua bán quốc tế, phát triển đất nước theo nền kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa.

Qua việc nghiên cứu này, tại Mục 1.1 xác định được khái niệm và đặc điểm của hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế; hiểu rõ về định nghĩa, đặc điểm, mục đích và những quy định pháp luật về trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong hợp đồng, từ đó tại Mục 1.2 làm nổi bật khái niệm, bản chất, ý nghĩa của miễn trách nhiệm BTTH trong hợp đồng, nhất là hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, phân biệt được sự khác nhau về pháp luật miễn trách nhiệm BTTH của hợp đồng mua bán hàng hóa trong nước và quốc tế, làm nổi bật tính đặc thù của những trường hợp miễn trách nhiệm dân sự trong hợp đồng. Nhằm xác định trường hợp chủ thể có hành vi không thực hiện hoặc thực hiện không đúng hợp đồng thì phải BTTH trong trường hợp nào và trường hợp nào được miễn trách nhiệm mặc dù có hành vi không thực hiện hoặc thực hiện không đúng hợp đồng. Đồng thời nhằm nghiên cứu tổng thể và toàn diện những quy định pháp luật về những trường hợp miễn trách nhiệm BTTH trong hợp đồng nói chung và hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế nói riêng, học viên đã nghiên cứu các điều kiện để miễn trách nhiệm BTTH cũng như tiến trình phát triển của pháp luật quy định về những trường hợp này, để có được một bức tranh toàn cảnh của pháp luật quy định về những trường hợp miễn trách nhiệm trong hợp đồng, để chủ động trong nghiên cứu nội dung của luận văn.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ MIỄN TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI DO VI PHẠM HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ

2.1. Thực trạng pháp luật về miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế

2.1.1. Miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại khi có sự kiện bất khả kháng

Khi có “sự kiện bất khả kháng” xảy ra thì bên gây thiệt hại không phải chịu trách nhiệm BTTH. Thế nhưng với định nghĩa như vậy, liên hệ với thực tế trong nhiều trường hợp nhận diện có là “sự kiện bất khả kháng” hay không là điều không đơn giản. Một sự kiện xảy ra phải hội tụ đủ những điều kiện nào mới được coi là “sự kiện bất khả kháng”.

Bên cạnh dấu hiệu “sự kiện bất khả kháng”, pháp luật dân sự nước ta còn ghi nhận dấu hiệu “trở ngại khách quan”, mà pháp luật của nhiều nước gọi là “hoàn cảnh khó khăn”(Hardship), là một khái niệm được thừa nhận trong thực tiễn thương mại quốc tế. Về “trở ngại khách quan”, đây là một khái niệm độc lập hoàn toàn so với “sự kiện bất khả kháng”. Có thể nói, “trở ngại khách quan” cùng với “sự kiện bất khả kháng” là quy định khá tiến bộ của pháp luật nước ta khi tính đến cả những trường hợp ngoài khái niệm “sự kiện bất khả kháng” làm cản trở chủ thể thực hiện quyền và nghĩa vụ. Tuy nhiên, “trở ngại khách quan” chỉ được dùng để xác định thời gian không tính vào thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự, thời hiệu yêu cầu giải quyết việc dân sự hoặc thi hành án dân sự mà không được áp dụng cùng với “sự kiện bất khả kháng” để dẫn đến miễn trách nhiệm cho bên vi phạm hợp đồng.

Như vậy, để được xem là bất khả kháng thì một sự kiện cần thỏa mãn 3 nội dung sau:

Thứ nhất, là sự kiện khách quan xảy ra sau khi ký hợp đồng. Tức là sự kiện nằm ngoài phạm vi kiểm soát của bên vi phạm hợp đồng như: Các hiện tượng tự nhiên (bão, lụt, sóng thần...); các sự kiện chính trị, xã hội (đình công, bạo loạn, chiến tranh...)... Ngoài ra còn có các trường hợp như hỏa hoạn phát sinh từ khu vực bên ngoài lan sang và thiêu rụi nhà máy...

Thứ hai, là sự kiện xảy ra không thể dự đoán trước được. Năng lực đánh giá xem xét một sự kiện có xảy ra hay không được xét từ vị trí của một thương nhân bình thường chứ không phải một chuyên gia chuyên sâu. Ví dụ khu vực nhà máy của bên vi phạm thường xuyên có bão vào mùa mưa nhưng do tính bất ngờ và khó kiểm soát của bão nên việc dự

đoán bảo có xảy ra hay không đối với một thương nhân là không thể lường trước được (chiến tranh, bạo loạn, đình công, các thảm họa thiên nhiên khác).

Thứ ba, là sự kiện xảy ra mà hậu quả để lại không thể khắc phục được dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, là sự kiện xảy ra mà chúng ta không thể tránh được về mặt hậu quả. Tức là sau khi bên vi phạm đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết nhưng vẫn không khắc phục được hậu quả thì mới đáp ứng điều kiện này. Tuy nhiên, nếu như bên vi phạm không thực hiện các biện pháp cần thiết để khắc phục hậu quả nhưng chứng minh được rằng dù có hành động vẫn không thể khắc phục được hậu quả thì xem như đã thỏa mãn điều kiện này.

2.1.2. Miễn trách nhiệm do phải thực hiện quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền

Miễn trách nhiệm do phải thực hiện quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là một trong các trường hợp được miễn trách nhiệm BTTH khi không thực hiện đúng hợp đồng.

Quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là mệnh lệnh của các chủ thể quản lý của Nhà nước được thông qua theo một thể thức nhất định nhằm thực hiện một mục đích hoặc một công việc cụ thể nhất bởi quyết định này mang quyền lực Nhà nước. Quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là kết quả của một hoạt động nhất định.

Ví dụ: Quyết định của Tòa án là kết quả của hoạt động xét xử dân sự, hình sự, kinh tế hoặc hành chính.

Thêm vào đó quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thường mang tính cá biệt hóa, thông thường sẽ được áp dụng cho một hoặc một số đối tượng nhất định.

Xét về bản chất, hành vi vi phạm của một bên do thực hiện quyết định của cơ quan quản lý nhà nước là hành vi vi phạm do sự kiện bất khả kháng về sự biến pháp lý. Quyết định của cơ quan nhà nước phải làm phát sinh nghĩa vụ của bên vi phạm, tức là phải thực hiện hoặc không thực hiện một hành vi nhất định nào đó dẫn tới hành vi vi phạm hợp đồng. Rõ ràng, các bên cũng không lường trước được những vi phạm và thiệt hại khi có một quyết định của nhà nước xen vào. Đó có thể là quyết định hành chính (quyết định xử phạt vi phạm, quyết định trưng thu,...) hoặc quyết định của cơ quan tư pháp (bản án, quyết định). Miễn trách nhiệm chỉ được áp dụng khi hành vi vi phạm do thực hiện quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền mà các bên không thể biết được vào thời điểm giao kết hợp đồng. Còn nếu như các

bên đã biết về việc thực hiện quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có thể dẫn đến vi phạm hợp đồng mà vẫn đồng ý giao kết hợp đồng thì không được áp dụng miễn trách nhiệm.

Tuy nhiên, Luật thương mại cùng các văn bản hướng dẫn thi hành vẫn còn chưa quy định rõ ràng một số vấn đề sau: “Các bên” ở trong trường hợp này có nghĩa là cả bên vi phạm và bên bị vi phạm, thế nhưng việc không thể biết quyết định cơ quan nhà nước có thẩm quyền dẫn đến vi phạm hợp đồng chỉ có ý nghĩa đối với bên vi phạm hợp đồng, từ đó khẳng định bên vi phạm hợp đồng không có “lỗi”. Việc bên bị vi phạm có biết hay không thì về bản chất không ảnh hưởng gì đến thái độ của bên vi phạm hợp đồng. Giả sử bên bị vi phạm hợp đồng khi ký hợp đồng biết trước có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền chắc chắn dẫn đến việc vi phạm hợp đồng và cứ ký hợp đồng trong khi bên vi phạm hợp đồng không hề biết. Vậy khi có hành vi vi phạm hợp đồng do thực hiện quyết định của cơ quan nhà nước, bên vi phạm hợp đồng có được miễn trách nhiệm hay không khi bên bị vi phạm chứng minh được mình biết trước quyết định đó. Thêm vào nữa, hiểu thế nào là “không thể biết” để từ đó được miễn trách nhiệm đối với trường hợp này cũng còn quá chung chung. Việc biết sự tồn tại của quyết định của cơ quan nhà nước có buộc phải theo một “kênh chính thống” hay có thể biết bằng nhiều cách khác nhau. Cơ quan quản lý nhà nước có phải thông báo bằng văn bản hay chỉ cần thông báo bằng miệng về quyết định đó thì thương nhân mới “biết”, hay nếu bên bị vi phạm chỉ cần chứng minh các bên biết sự tồn tại của quyết định đó, bất kể “biết” theo kiểu gì, “biết” bằng cách nào cũng đều là chứng cứ để bên vi phạm phải gánh chịu trách nhiệm. Cho đến hiện nay, vẫn chưa có một văn bản pháp luật nào được ban hành để hướng dẫn thi hành quy định này.

2.1.3. Miễn trách nhiệm khi một bên không thực hiện nghĩa vụ của mình do lỗi của bên kia

Lỗi được coi là một trong những yếu tố để xác định trách nhiệm dân sự. Lỗi này có thể là hành động hoặc không hành động của bên bị vi phạm. Tại điểm c khoản 1 Điều 294 Luật Thương mại năm 2005 quy định bên vi phạm được miễn trách nhiệm BTTH khi: “*Hành vi vi phạm của một bên hoàn toàn do lỗi của bên kia*”.

Tuy nhiên, Điều 294 Luật Thương mại năm 2005 mới dự liệu miễn trách nhiệm BTTH đối với bên vi phạm hợp đồng khi “*Hành vi vi phạm của một bên hoàn toàn do lỗi của bên kia*” mà chưa tính đến khả năng hành vi vi phạm của một bên có nguyên nhân xuất phát từ bên thứ ba, mà bên này rơi vào các trường hợp mà pháp luật quy định được miễn

trách nhiệm BTTH. Đành rằng, các bên có thể thoả thuận về các trường hợp miễn trách nhiệm trong hợp đồng của họ. Nhưng trong trường hợp không được thoả thuận, đương nhiên bên vi phạm sẽ không được miễn trách nhiệm nếu do lỗi của bên thứ ba, mặc dù bên này rơi vào các trường hợp miễn trách nhiệm.

2.1.4. Thoả thuận giữa các bên về miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại

Quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế không chỉ được điều chỉnh bởi các quy định pháp lí mà còn được điều chỉnh bởi chính các thoả thuận của các bên được ghi nhận trong hợp đồng.

Có thể nói rằng các bên khi giao kết hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế có thoả thuận và quy định về trường hợp miễn trách nhiệm vào trong hợp đồng là một điều hết sức quan trọng và cần thiết. Vì rằng, mặc dù các hệ thống pháp luật của các quốc gia trên thế giới, cũng như các văn bản pháp lí quốc tế đều có quy định về các trường hợp miễn trừ trách nhiệm như sự kiện bất khả kháng, do lỗi của bên có quyền mà chúng ta đã phân tích ở phần trước. Tuy nhiên, nội hàm của các trường hợp miễn trách nhiệm nói trên ở các hệ thống pháp luật khác nhau là không giống nhau. Hơn nữa các quy định của pháp luật về trường hợp miễn trách nhiệm chỉ đưa ra ở dạng các nguyên tắc chung, mô phỏng một cách khái quát hóa và trừu tượng hóa, chính vì vậy các bên khi cần viện dẫn để áp dụng trên thực tế luôn gặp phải những khó khăn nhất định; khắc phục hạn chế này, việc các bên quy định rõ ràng và cụ thể vào trong hợp đồng các trường hợp miễn trách nhiệm, không những tạo ra một hành lang pháp lí an toàn để các bên có thể dựa vào đó nhằm bảo vệ quyền lợi của mình mà còn giúp cho cơ quan giải quyết tranh chấp cũng như các bên có thể dễ dàng áp dụng trên thực tế.

2.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế

Trong thực tiễn áp dụng pháp luật hợp đồng và công tác xét xử của Tòa án hiện nay, xuất hiện một số hạn chế, vướng mắc liên quan đến quá trình áp dụng các quy định về tố tụng dân sự do vi phạm hợp đồng và đặc biệt là về chế định miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo hợp đồng theo pháp luật Việt Nam.

2.2.1. Hạn chế về việc xác định sự kiện bất khả kháng

Tác giả đưa ra ví dụ thực tiễn và phân tích ví dụ để thấy được những quy định về sự kiện bất khả kháng của pháp luật Việt Nam còn nhiều bất cập, chung chung.

2.2.2. Hạn chế trong trường hợp miễn trách nhiệm do lỗi của bên kia

Có rất nhiều vụ việc xảy ra trên thực tế khi các văn bản luật có quy định về trường hợp miễn trách nhiệm do lỗi của bên kia. Song lợi dụng các quy định đó, các chủ thể cố tình làm lợi cho bản thân bằng nhiều cách khác nhau, biết được bên kia vì thiếu hiểu biết sẽ mắc lỗi dẫn đến vi phạm hợp đồng, bản thân chủ thể này sẽ được miễn trách nhiệm BTTH do lỗi của bên kia.

2.2.3. Hạn chế trong trường hợp miễn trách nhiệm do phải thực hiện quyết định từ phía cơ quan nhà nước có thẩm quyền

Từ việc phân tích, đối chiếu giữa BLDS năm 2015 và Luật Thương mại năm 2005 về trường hợp miễn trách nhiệm BTTH do phải thực hiện quyết định từ phía cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà tác giả phân tích ở chương 2 có một thực tế tồn tại là: Luật Thương mại năm 2005 có quy định về trường hợp miễn trách nhiệm do phải thực hiện quyết định từ phía cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại điểm d khoản 1 Điều 194 thì BLDS năm 2015 lại không hề có quy định nào nhắc đến trường hợp miễn trách nhiệm này. Nếu như quan hệ pháp luật trên không thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật Thương mại năm 2005, khi có tranh chấp xảy ra, Tòa án sẽ không biết áp dụng luật nào để giải quyết.

Kết luận Chương 2

Có thể nói rằng miễn trách nhiệm BTTH trong hợp đồng là một chế định vô cùng quan trọng trong Pháp luật dân sự Việt Nam nói riêng và trong hệ thống Pháp luật Việt Nam, cũng như pháp luật quốc tế nói chung. Từ việc đưa ra được các quy định còn mâu thuẫn, hạn chế về các trường hợp miễn trách nhiệm BTTH trong hợp đồng trong nước và quốc tế nhằm hiểu rõ được những mặt tồn đọng để cần thiết phải hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế về miễn trách nhiệm BTTH trong hợp đồng, nhất là hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.

Tại Mục 2.1.1 tác giả đưa ra sự cần thiết phải phân biệt rõ ràng sự kiện bất khả kháng với cản trở khách quan, hoàn cảnh khó khăn, hay việc quy định cụ thể hơn nữa về thời gian, thời hạn chứng minh sự kiện bất khả kháng giữa các bên.

Mục 2.1.2 đến Mục 2.1.4 thì tác giả phân tích về các trường hợp miễn trách nhiệm do lỗi của bên có quyền, miễn trách nhiệm do hai bên đã thỏa thuận cũng như trường hợp miễn trách nhiệm do phải thực hiện quyết định từ Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tạo sự phù hợp với quy

định của pháp luật trong nước và quốc tế về các trường hợp được miễn trách nhiệm BTTH.

Về thực tiễn áp dụng pháp luật, tại Mục 2.2.1 đến Mục 2.2.3 tác giả đưa ra được hạn chế gặp phải về việc xác định sự kiện bất khả kháng, tồn tại trong trường hợp miễn trách nhiệm do lỗi của bên kia và chỉ ra những bất cập trong trường hợp miễn trách nhiệm do phải thực hiện quyết định từ Cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Chương 3

ĐỊNH HƯỚNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT, NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ MIỄN TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI DO VI PHẠM HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ

3.1. Định hướng chung hoàn thiện chế định bồi thường thiệt hại

Chế định BTTH có nội dung rất lớn. BLDS không thể quy định sâu rộng được tất cả các nội dung. Vì vậy, tác giả, ở Việt Nam cần ban hành Luật trách nhiệm BTTH trong và ngoài hợp đồng. Trong bộ Luật sẽ quy định tổng thể, rộng hơn cả các vấn đề BTTH, miễn trách nhiệm BTTH do vi phạm hợp đồng.

3.2. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng

3.2.1. Thống nhất các văn bản pháp luật Việt Nam về hợp đồng

Thứ nhất, hoàn thiện⁶ các quy định nội dung về hợp đồng trong BLDS như: khái niệm hợp đồng, giao kết hợp đồng, phạt hợp đồng, các loại hợp đồng...

Thứ hai, vẫn hoàn thiện quy định hợp đồng trong BLDS nhưng chỉ hoàn thiện những nền móng cơ bản, còn lại các quy định khác trong BLDS và những quy định tản mát thì xây dựng một đạo luật riêng biệt điều chỉnh.

Thứ ba, kết hợp pháp điển hóa nội dung pháp luật hợp đồng với việc bóc tách quan hệ hợp đồng trong BLDS và thống nhất sự tản mát bằng cách tập hợp các quy định trong các luật chuyên ngành, văn bản dưới luật, sau đó hệ thống và xây dựng thành một đạo luật riêng biệt điều chỉnh quan hệ hợp đồng tiên bộ và phù hợp với thông lệ thế giới cũng như các quy định của UNIDROIT (Viện Thống nhất Tư pháp Quốc tế -

⁶ Xem thêm: Dương Anh Sơn (2001), Vấn đề hoàn thiện pháp luật hợp đồng kinh tế ở nước ta hiện nay, Tạp chí Khoa học pháp lý số 4 - 2001

nghiên cứu, tìm kiếm các quy định chung để điều chỉnh hợp đồng sao cho có thể thích hợp trong nhiều hệ thống pháp luật của những nước khác nhau), gọi là “Luật Hợp đồng thống nhất”.

3.2.2. Thống nhất các văn bản pháp luật Việt Nam về miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng

Các căn cứ miễn trừ trách nhiệm trong hợp đồng được quy định ở BLDS năm 2015 và Luật Thương mại năm 2005 vẫn có sự khác nhau. Như vậy, cần phải có sự thống nhất giữa các văn bản pháp luật về các trường hợp được coi là căn cứ miễn trách nhiệm để hạn chế sự mâu thuẫn này. Do các quy định của Luật Thương mại năm 2005 đã đưa ra những căn cứ hợp lý và cụ thể, vì vậy, chúng tôi đề nghị nên xây dựng quy định về căn cứ miễn trách nhiệm trong một văn bản hướng dẫn của BLDS thống nhất với quy định của Luật Thương mại năm 2005 hoặc đưa vào Luật Trách nhiệm BTTH.

3.2.3. Hoàn thiện các quy định cụ thể của pháp luật về miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế

Một là, những kiến nghị để hoàn thiện quy định của pháp luật về trường hợp miễn trách nhiệm BTTH do sự kiện bất khả kháng.

Hai là, kiến nghị để hoàn thiện quy định của pháp luật về trường hợp miễn trách nhiệm BTTH do lỗi của bên có quyền.

Ba là, kiến nghị để hoàn thiện quy định của pháp luật về trường hợp miễn trách nhiệm BTTH do phải thực hiện quyết định từ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Bốn là, kiến nghị để hoàn thiện quy định của pháp luật về trường hợp miễn trách nhiệm BTTH do thỏa thuận của các bên trong hợp đồng.

Năm là, về căn cứ miễn trách nhiệm vi phạm nghĩa vụ hợp đồng cũng thể hiện sự không thống nhất. Cần thống nhất hai văn bản trên để áp dụng các quy định về miễn trách nhiệm BTTH trong hợp đồng được thuận lợi hơn. Theo tác giả thì nên thống nhất theo quy định của Luật Thương mại năm 2005 vì những trường hợp được quy định rất rõ ràng, áp dụng dễ dàng.

Sáu là, quy định cụ thể về các điều kiện để xác định một sự kiện là căn cứ miễn trách nhiệm do vi phạm hợp đồng. Các quy định của pháp luật mới chỉ liệt kê chung chung. Do đó, theo tác giả, pháp luật cần quy định cụ thể các căn cứ miễn trách nhiệm và đương nhiên, khi áp dụng phải thỏa mãn đầy đủ các điều kiện sau:

(1) sự kiện này phải xảy ra sau khi các bên đã ký kết hợp đồng; (2) ở thời điểm ký kết hợp đồng các bên không biết hoặc không thể biết sự

kiện đó sẽ xảy ra; (3) sự kiện đó là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến vi phạm hợp đồng; (4) khi các sự kiện này xảy ra, các bên đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết trong khả năng nhưng không thể khắc phục được.

Bảy là, bổ sung quy định về điều kiện để công nhận thỏa thuận miễn trừ trách nhiệm hợp đồng giữa các bên.

Tám là, bổ sung quy định về căn cứ miễn trách nhiệm do người thứ ba có quan hệ với một bên trong hợp đồng thương mại gặp trường hợp bất khả kháng.

3.3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế

3.3.1. Tổ chức thực thi nghiêm các quy định của pháp luật về miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế

Đây là một trong các giải pháp quan trọng nhằm tổ chức thực thi hiệu quả các quy định của pháp luật, góp phần bảo đảm nguyên tắc pháp chế trong lĩnh vực hợp đồng mang tính chất quốc tế, các chủ thể tham gia quan hệ hợp đồng có thể nắm bắt được rõ các quy định pháp luật về hợp đồng, về trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong và ngoài hợp đồng cũng như các trường hợp miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng.

3.3.2. Nâng cao ý thức pháp luật nghề nghiệp của những người có thẩm quyền áp dụng pháp luật

Ý thức pháp luật nghề nghiệp là ý thức của các luật gia, của các nhà chức trách, của các cán bộ, công chức mà nghề nghiệp của họ liên quan đến việc hoạch định chính sách pháp luật, nghiên cứu, xây dựng và tổ chức thực hiện, áp dụng pháp luật. Để đảm bảo cho hoạt động áp dụng pháp luật luôn chính xác, khách quan, công bằng thì việc nâng cao ý thức pháp luật nghề nghiệp của những người có thẩm quyền áp dụng pháp luật là giải pháp không thể thiếu.

3.3.3. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, kết hợp với đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ viên chức

Trong thời gian tới, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần đa dạng hóa các phương thức tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong lĩnh vực này như: Đưa tin, bài trên các phương tiện thông tin đại chúng; giới thiệu pháp luật tại trụ sở, nơi cư trú của người đang sinh sống và trên các website; mở rộng địa bàn tuyên truyền, phổ biến pháp luật, để nâng cao hơn nữa nhận thức của cộng đồng về vai trò, ý nghĩa của các quy định về miễn trách nhiệm BTTH do vi phạm hợp đồng mua bán hàng hóa

trong và ngoài nước... Đối tượng khác nhau, vùng miền khác nhau cần có nội dung, cách thức tuyên truyền khác nhau để bảo đảm tính hiệu quả.

Đồng thời, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần tăng cường triển khai các lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật về dân sự, kinh tế và nghiệp vụ cho đội ngũ viên chức thực hiện nhiệm vụ thực thi pháp luật, từ đó tạo nguồn và xây dựng đội ngũ viên chức trong lĩnh vực này có chuyên môn, nghiệp vụ cao. Ngoài ra, một trong các yếu tố quan trọng là phải xây dựng tiêu chuẩn chuyên môn đối với viên chức chuyên trách thực hiện pháp luật nhằm xác định rõ nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, cũng như tăng cường trách nhiệm của đội ngũ viên chức. Thực tế cho thấy, với đội ngũ cán bộ như hiện nay thì gặp phải lực cản rất lớn nếu như muốn thực hiện việc cải cách triệt để, tiệm cận với các nước trong khu vực và trên thế giới.

3.3.4. Tiếp tục tăng cường kiểm tra sâu rộng và đẩy mạnh theo dõi thi hành pháp luật về giao dịch giữa các chủ thể mua bán hàng hóa quốc tế

Việc kiểm tra giao dịch, những hợp đồng mua bán giữa các chủ thể phải đặt mục tiêu chủ yếu vào việc phát hiện, tổng hợp các khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn để đưa ra các giải pháp tháo gỡ, tạo thuận lợi cho các cơ quan nêu trên và cho các chủ thể tham gia quan hệ hợp đồng, đồng thời chấn chỉnh các sai sót và xử lý nghiêm các vi phạm trong phạm vi thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền giải quyết.

3.3.5. Nâng cao hiệu quả phối hợp công tác giữa các bộ, ngành hữu quan và mở rộng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực mua bán hàng hóa có hợp đồng

Mua bán hàng hóa quốc tế nếu có việc gì xảy ra liên quan đến nhiều Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức, do đó hiệu quả trong phối hợp công tác giữ một vai trò quan trọng trong việc hoàn thành nhiệm vụ của từng cơ quan, trong đó tập trung vào lĩnh vực quản lý quản lý nhà nước về đăng ký giao dịch bảo đảm, công chứng các hợp đồng, giao dịch của Bộ Tư pháp.

3.3.6. Tiếp tục hoàn thiện, kiện toàn hệ thống các cơ quan, viên chức có thẩm quyền áp dụng pháp luật

Trong thời gian tới, Nhà nước cần tiếp tục phân tích, đánh giá thực tế vận hành để từ đó có giải pháp tiếp tục kiện toàn, hoàn thiện cơ chế vận hành của hệ thống các cơ quan có thẩm quyền. Ngoài ra, cơ quan có thẩm quyền cần bố trí đủ viên chức có chuyên môn, nghiệp vụ, cũng như thực hiện tốt chính sách, chế độ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc hoàn

thành nhiệm vụ được giao. Tác giả cho rằng, viên chức làm trong lĩnh vực trên rất cần được trang bị đầy đủ những kiến thức pháp lý cơ bản, nhất là kiến thức của pháp luật hợp đồng, dân sự.

3.3.7. Thông báo công khai kết quả áp dụng pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng

Trong tiến trình dân chủ hóa các lĩnh vực của đời sống xã hội, việc thông báo công khai kết quả áp dụng pháp luật là một việc không thể thiếu được. Có công khai thì mới có dân chủ, vì công khai là điều kiện để thực hiện quyền làm chủ của người dân.

Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, cần thông báo công khai kết quả đấu tranh của các hành vi phạm pháp, phạm tội, kết quả hoạt động áp dụng pháp luật của các cơ quan hữu trách. Việc công khai, minh bạch thông tin về vấn đề này trên các phương tiện thông tin đại chúng có tác dụng hết sức quan trọng.

Kết luận Chương 3

Qua việc phân tích quy định của pháp luật hiện hành về các trường hợp miễn trách nhiệm đối với hành vi vi phạm, thấy rằng, việc quy định các điều khoản miễn trách nhiệm sẽ tạo ra sự công bằng pháp lý đối với những thiệt hại thực tế không do lỗi trực tiếp của người vi phạm gây ra. Tuy nhiên, pháp luật thương mại cần có những quy định cụ thể về vấn đề giá trị của thỏa thuận cũng như thứ tự áp dụng điều khoản miễn trách nhiệm. Việc quy định rõ ràng vấn đề trên sẽ góp phần thực hiện mục tiêu hoàn thiện pháp luật về hợp đồng theo hướng tôn trọng thỏa thuận của các bên giao kết hợp đồng, không trái với đạo đức xã hội, không xâm phạm trật tự công cộng, phù hợp với tập quán, thông lệ thương mại quốc tế.

Việc hoàn thiện tổng hợp các căn cứ miễn trách nhiệm BTTH trong hợp đồng để đảm bảo sự thống nhất giữa pháp luật Việt Nam với các quy định của pháp luật quốc tế là đòi hỏi cấp thiết. Chỉ khi đảm bảo được tất cả các yếu tố, các điều kiện thì pháp luật Việt Nam mới có đủ cơ sở pháp lý để đảm bảo quyền lợi của các chủ thể tham gia trong hợp đồng được thực thi một cách tốt nhất.

KẾT LUẬN

Một lần nữa có thể nói rằng miễn trách nhiệm BTTH trong hợp đồng là một chế định vô cùng quan trọng trong pháp luật dân sự Việt Nam nói riêng và trong hệ thống pháp luật Việt Nam nói chung. Từ việc phân tích các căn cứ miễn trách nhiệm BTTH quy định trong BLDS năm 2015, Luật Thương mại năm 2005, cũng như các văn bản quốc tế và pháp luật Việt Nam liên quan đến vấn đề này cho chúng ta thấy: Bên cạnh những quy định tích cực đã đạt được của pháp luật Việt Nam về các trường hợp miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong hợp đồng thì vẫn còn những điểm hạn chế, bất cập, mâu thuẫn dẫn đến sự cần thiết phải hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam về trách nhiệm bồi thường thiệt hại, miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại, sự cần thiết phải phân biệt rõ ràng sự kiện bất khả kháng với cản trở khách quan, hoàn cảnh khó khăn, hay việc quy định cụ thể hơn nữa về thời gian, thời hạn chứng minh sự kiện bất khả kháng giữa các bên. Cần có quy định cụ thể về trường hợp miễn trách nhiệm do lỗi của bên có quyền, miễn trách nhiệm do hai bên đã thỏa thuận. Điều quan trọng hơn nữa là sự cần thiết phải có quy định thêm trường hợp miễn trách nhiệm do phải thực hiện quyết định từ phía cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để tạo sự nhất quán giữa Bộ luật Dân sự 2015 và Luật Thương mại 2005 về các trường hợp miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Việc hoàn thiện tổng hợp các căn cứ miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại để đảm bảo sự thống nhất giữa pháp luật Việt Nam với các quy định pháp luật quốc tế là đòi hỏi cấp thiết. Chỉ khi đảm bảo tất cả các yếu tố trên đây thì pháp luật Việt Nam mới đủ cơ sở pháp lý để đảm bảo quyền lợi của các chủ thể tham gia trong hợp đồng được thực thi một cách tốt nhất./.